

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-PT

Ngày: 30 - 6 - 2023

“V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất về lối đi và tài sản
gắn liền với đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực

Ông Huỳnh Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hương Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi và tài sản gắn liền với đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST, ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: số A, đường K, khóm X, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1951

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y: Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1949; Địa chỉ: số A, đường K, khóm X, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2021 (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2023 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2023 (có mặt).

2/ Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1977 (có mặt)

3/ Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

5/ Chị Huỳnh Ngọc A, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/ Ủy ban nhân dân huyện C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: Khóm R, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Thành B trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị Y và Nguyễn Thị V được cha mẹ là ông Nguyễn Văn Ô và bà Nguyễn Thị S chia cho một phần diện tích đất ở ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Để đi được vào phần đất cha mẹ cho thì ông và bà Y phải đi qua lối đi thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi này chiều ngang 2,5m và chiều dài ra tới đường đaml công cộng. Từ khi cha mẹ ông bà còn sống đều đi trên lối đi này nhưng sau khi cha mẹ qua đời thì bà Nguyễn Thị V là em gái ruột của ông và bà Y đã khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cha mẹ chết để lại. Từ đó phát sinh mâu thuẫn giữa bà V với ông cùng với các anh chị em trong gia đình, nên bà V rào lối đi này không cho ông và bà Y và các anh chị em vào thăm mồ mã cha mẹ, đồng thời bà Y cũng không vào được phần đất của bà Y. Ngoài lối đi này ra đường công cộng thì ông và bà Y cùng anh chị em không có lối đi nào khác thuận tiện để đi. Vì vậy ông và bà Y yêu cầu hộ bà V mở lối đi có chiều dài ra tới đường đaml công cộng và chiều dài 2,5m nằm trong tổng diện tích 2080m² loại đất ONT-CLN thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị V đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông và Bà Y thống nhất theo kết quả khảo sát của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C và thống nhất biên bản định giá và yêu cầu mở lối đi và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2080m², tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị V và công nhận phần lối đi chiều ngang 2,5m, chiều dài ra tới đường đnl công cộng với tổng diện tích 150,4m² cho ông và bà Y, ông và bà Y đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất và huê lợi trên lối đi theo quy định pháp luật.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị V trong quá trình giải quyết vụ án, trình bày:* Nguồn gốc lối đi tranh chấp mà ông B và bà Y kiện bà là do cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn Ô và bà Nguyễn Thị S cho bà từ trước năm 1996 và bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ trước đến nay bà vẫn cho ông B, bà Y và các anh chị em đi trên phần lối đi này. Nhưng từ khi bà Y về ở và đi trên lối đi của bà thì bà Y có hành động hủy hoại các cây bà trồng trên lối đi, đồng thời có những lời khiêu khích bà. Từ đó giữa bà và bà Y cùng các anh chị em khác xảy ra mâu thuẫn nên gia đình bà không cho đi và rào lại lối đi này cho đến nay. Nay ông B và bà Y yêu cầu bà mở lối đi có chiều dài ra tới đường đnl công cộng và chiều dài 2,5m nằm trong tổng diện tích 2080m² loại đất ONT-CLN thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bà không đồng ý, bà đồng ý mở lối đi tạm thời vào những ngày lễ hoặc khi ông B cần mua vật tư làm mộ cho cha mẹ, còn mở lối đi vĩnh viễn cho mọi người đi thì bà và gia đình không đồng ý. Bà thống nhất theo kết quả khảo sát của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C. Bà và gia đình bà không đồng ý theo yêu cầu mở lối đi và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2080m², tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ bà và công nhận phần lối đi chiều ngang 2,5m, chiều dài ra tới đường đnl công cộng với tổng diện tích 150,4m² cho ông B và bà Y.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Tôi là chồng bà Nguyễn Thị V, việc ông B và bà Y kiện yêu cầu gia đình tôi mở lối đi thì tôi không đồng ý. Tôi thống nhất theo lời trình bày và ý kiến của bà V, không bổ sung gì thêm.

Ông Nguyễn Văn U trình bày: Tôi là con của bà V, việc ông B và bà Y kiện yêu cầu cha mẹ tôi và anh em chúng tôi mở lối đi cho họ tôi không đồng ý, tôi thống nhất theo lời trình bày và ý kiến của bà V, không bổ sung gì thêm.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bà Nguyễn Thị V vắng mặt nên không có lời trình bày.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện C có lời trình bày:* Được sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C tại Công văn số: 3506/UBND-NC, ngày 15/11/2021 của UBND huyện, sau khi thẩm tra Phòng tài nguyên và môi trường đã có Báo cáo số 218/BC-

TNMT ngày 05/7/2022 về kết quả kiểm tra trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị V thửa đất số 289, tờ bản đồ số 3, diện tích 2080m², loại đất TQ, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là phù hợp với quy định tại thời điểm cấp giấy. Nay ông giữ nguyên quan điểm tại Báo cáo số 218/BC-TNMT ngày 05/7/2022 của Phòng tài nguyên Môi trường, yêu cầu giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2022/DS-ST, ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Căn cứ Điều 5; 26; 35; 39; 147; 157; 158; 165; 166; 227 và 228, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 166; 170; 179 và 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 245; 246; 254; 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y.

Công nhận cho ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích lối đi là 150,4m² cùng tài sản gắn liền trên lối đi của thửa đất số 289, loại đất ở - quả, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị V đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi gồm có phần A và phần B, kèm theo sơ đồ kết quả khảo sát, đo đạc của Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh Chi nhánh huyện C cung cấp ngày 18/02/2022 và ngày 22/9/2022.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị V gồm: bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Thanh D, anh Nguyễn Thanh M, anh Nguyễn Văn U và chị Huỳnh Ngọc A phải giao lối đi là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên lối đi cho ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y phần diện tích là 150,4m² của thửa đất số 289, loại đất ở - quả, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà V đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi gồm có phần A và phần B, kèm theo sơ đồ kết quả khảo sát, đo đạc của Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh Chi nhánh huyện C cung cấp ngày 18/02/2022 và ngày 22/9/2022.

Đề nghị các đương sự đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký điều chỉnh và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định bản án.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, đề nghị các bên đương sự giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Nghiêm cấm việc đào phá, hủy hoại làm thay đổi hiện trạng đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất cứ hình thức nào khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Buộc ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất và giá trị cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị V với tổng số tiền 62.603.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/11/2022 bà Nguyễn Thị V kháng cáo: Yêu cầu hủy toàn bộ Bản án số 40/2022/DSST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện ban hành văn bản tố tụng và tổng đạt các văn bản chuyển hồ sơ sang cho Viện kiểm sát đầy đủ và đúng theo quy định bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thực hiện đúng về thời hạn xét xử phúc thẩm và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ về trình tự, thủ tục phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguồn gốc thửa đất 289 tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp Phú Hoà, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của cụ Nguyễn Văn Ô và cụ Nguyễn Thị S (cha mẹ nguyên đơn và bị đơn) cho bà Nguyễn Thị V, trước đây khi cụ Ô và cụ S còn sống, gia đình bà V có dành một lối đi chung cho cha mẹ và các anh chị em tại phần đất mà ông B và bà Y yêu cầu mở lối đi, như vậy lối đi chung này đã được hình thành trước năm 1975, bà V chỉ rào lại lối đi khi có mâu thuẫn xảy ra. Ngoài lối đi này ra, muốn vào thăm mộ cha mẹ và đi vào nhà bà Y, ông B và bà Y phải đi qua đất vườn của người khác và bắt cây qua con xẻo để đi nhờ, nên đây là lối đi duy nhất ông B và bà Y đi từ đường lớn vào thăm mộ cha mẹ cũng như đi vào nhà bà Y.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền lối đi qua quy định: *Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất...và thiệt hại gây ra ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.*

Xét thấy việc mở lối đi qua cho ông B và bà Y tại thửa đất 289 của bà V là thuận tiện, ít gây thiệt hại nhất, phù hợp với quy định pháp luật và cũng hợp tình hợp lý, vì nguồn gốc đất là của cha mẹ, trước đây khi cha mẹ còn sống, cụ Ô và cụ S cũng như các anh chị em trong gia đình đã sử dụng lối đi này, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu mở lối đi của ông B và bà Y là có cơ sở.

Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền*, điều này có nghĩa là bên yêu cầu mở lối đi chỉ được hưởng quyền về lối đi và phải trả cho chủ bất động sản một số tiền đền bù, không có nghĩa là phải giao quyền sở hữu, định đoạt phần lối đi cho bên yêu cầu; mặt khác, quyền sử dụng hạn chế bất động sản liền kề có thể sẽ thay đổi hoặc chấm dứt theo quy định tại Điều 249, 256 Bộ luật dân sự năm 2015, nên

việc Toà án cấp sơ thẩm công nhận phần đất mở lối đi cho ông B và bà Y là không đúng quy định pháp luật.

Trường hợp này, chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn mở lối đi, buộc ông B và bà Y trả cho bà V một khoản tiền đền bù; căn cứ Điều 95, 171 Luật đất đai năm 2013, yêu cầu phía bà V đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề. Hộ bà V không được chặt phá, đào xới, xây dựng công trình trên đất hay có bất cứ hành động nào nhằm cản trở lối đi chung.

Từ phân tích trên, đề Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, sửa Bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Toà án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị V còn trong thời hạn kháng cáo nên được xem là hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị V kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguồn gốc thửa đất 289 là của cụ Nguyễn Văn Ô và cụ Nguyễn Thị S (cha mẹ nguyên đơn và bị đơn) cho bà Nguyễn Thị V, trước đây gia đình bà V có dành một lối đi chung cho cha mẹ và các anh chị em đi lại ngay vị trí đất ông B và bà Y yêu cầu mở lối đi trước năm 1975, khi bà V rào lại lối đi nên xảy ra tranh chấp. Ngoài lối đi này ra, muốn vào thăm mộ cha mẹ chung và đi vào nhà bà Y, ông B và bà Y phải đi nhờ qua đất vườn của người khác và bắt cây qua con xẻo, nên lối đi mà các đương sự đang tranh chấp đây là lối đi duy nhất ông B và bà Y đi từ đường lớn vào thăm mộ cha mẹ cũng như đi vào nhà bà Y.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền lối đi qua quy định: *Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất...và thiệt hại gây ra ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền.* Căn cứ vào quy định trên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y, buộc các thành viên hộ bà Nguyễn Thị V phải mở lối đi cho ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y diện tích 150,4m², tại thửa đất số 289, loại đất ở - quả, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị V đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, đồng thời buộc ông

Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ đền bù giá trị quyền sử dụng đất do hưởng lợi và giá trị cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị V với tổng số tiền 62.603.000 đồng là có tình có lý, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Cũng với quy định trên thì ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y chỉ được mở lối đi và hưởng quyền về lối đi qua đất bà Nguyễn Thị V mà không được giao quyền sử dụng, quyền định đoạt phần lối đi ông B và bà Y được hưởng dụng cùng nghĩa với việc hộ bà Nguyễn Thị V vẫn là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đã mở lối đi, mặt khác, quyền sử dụng hạn chế bất động sản liên kề có thể sẽ thay đổi hoặc chấm dứt theo quy định tại Điều 249, 256 Bộ luật dân năm 2015, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận diện tích đất và giao quyền sử dụng, quyền định đoạt phần mở lối đi cho ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y đồng thời đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích lối đi trên là không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của hộ bà Nguyễn Thị V. Do đó cấp phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm để đảm bảo cho quyền và lợi ích của hộ bà Nguyễn Thị V theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với việc bà Nguyễn Thị V kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Nguyễn Văn U đại diện cho bà Nguyễn Thị V không đưa ra được chứng cứ hay lý do cấp sơ thẩm trong hoạt động tố tụng có vi phạm nghiêm trọng tố tụng, cấp sơ thẩm không có vi phạm nghiêm trọng tố tụng do đó kháng cáo của bà Nguyễn Thị V yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm là phù hợp với tài liệu chứng cứ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V là người cao tuổi, có đơn xin được miễn tiền án phí phúc thẩm và được Tòa án chấp nhận nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2022/DSST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y.

Công nhận cho ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y được mở lối đi diện tích 150,4m² của thửa đất số 289, loại đất ở - quả, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị V đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi gồm có phần A và phần B, kèm theo sơ đồ kết quả khảo sát, đo đạc của Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh Chi nhánh huyện C cung cấp ngày 18/02/2022 và ngày 22/9/2022.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị V gồm: bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Thanh D, anh Nguyễn Thanh M, anh Nguyễn Văn U và chị Huỳnh Ngọc A phải giao diện tích đất mở lối đi là quyền sử dụng đất diện tích 150,4m² của thửa đất số 289, loại đất ở - quả, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị V đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cây trồng gắn liền với đất trên lối đi cho ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y làm lối đi. Hộ bà Nguyễn Thị V không được trồng cây, sử dụng số cây hiện có và xây vật kiến trúc, đào, xới hoặc có hành vi khác gây cản trở ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y sử dụng diện tích đất làm lối đi bản án đã tuyên trên.

Buộc ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ đền bù giá trị quyền sử dụng đất do hưởng dụng và giá trị cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị V với tổng số tiền 62.603.000 đồng.

Căn cứ Điều 95,171 Luật đất đai năm 2013 hộ bà Nguyễn Thị V được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề về quyền lối đi trên.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS C;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành